

Số: /2021/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3398TTr-STC ngày 26 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh Phú Yên.

1. Bổ sung Khoản 124 vào Phần A Mục I của Phụ lục 1 – Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị năm 2020:

| Số TT | Tên đường, đoạn đường | Hệ số điều chỉnh giá đất | | | |
|------------|---|--------------------------|-----|-----|-----|
| | | VT1 | VT2 | VT3 | VT4 |
| I | Thành phố Tuy Hòa | | | | |
| A | Các phường 1,2,3,4,5,6,7,8,9 (Đô thị loại II) | | | | |
| 124 | Khu tái định cư trong Dự án Hồ điều hòa Hồ Sơn và hạ tầng xung quanh (sau khi đã đầu tư hạ tầng theo quy hoạch được phê duyệt) | | | | |
| - | Các trục đường rộng 20m | 1,0 | | | |
| - | Các trục đường rộng 16m | 1,0 | | | |

2. Bổ sung Khoản 107 vào Phần A Mục I của Phụ lục 1 – Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị năm 2020:

| Số TT | Tên đường, đoạn đường | Hệ số điều chỉnh giá đất | | | |
|------------|--|--------------------------|-----|-----|-----|
| | | VT1 | VT2 | VT3 | VT4 |
| I | Thành phố Tuy Hòa | | | | |
| A | Các phường 1,2,3,4,5,6,7,8,9 (Đô thị loại II) | | | | |
| 107 | Khu dân cư Hưng Phú | | | | |
| - | Đường số 2 rộng 10m (đoạn từ ngã ba đường Trần Quang Diệu - đường số 2 đến ngã tư đường Trần Quang Diệu - đường số 1B) | 1,0 | | | |
| - | Đường số 1B rộng 10m (đoạn từ ngã tư đường Trần Quang Diệu - đường số 1B đến nhà số B81) | 1,0 | | | |
| - | Đường số 1C rộng 10m (đoạn từ ngã ba đường số 1B- 1C đến ngã ba đường 1C - đường Nguyễn Thiếp) | 1,0 | | | |
| - | Đường số 1A rộng 10m (đoạn từ ngã ba đường Tô Hiến Thành - nhà số A30 đến ngã ba đường Trần Quang Diệu - đường số 1A) | 1,0 | | | |

3. Bổ sung Điểm 3.20 vào Khoản 3 Phần A Mục I của Phụ lục 2 – Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn năm 2020:

| Số TT | Tên đường, đoạn đường | Hệ số điều chỉnh giá đất | | | |
|-------|--|--------------------------|-----|-----|-----|
| | | VT1 | VT2 | VT3 | VT4 |
| I | Thành phố Tuy Hòa (4 xã) | | | | |
| A | Vùng đồng bằng (4 xã) | | | | |
| 3 | Xã Bình Kiến (Xã đồng bằng) | | | | |
| 3.20 | Đường số 14 | | | | |
| - | Đoạn từ đường Độc Lập đến đại lộ Hùng Vương | 1,0 | | | |
| - | Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Hà Huy Tập | 1,0 | | | |

4. Bổ sung Điểm 3.21 vào Khoản 3 Phần A Mục I của Phụ lục 2 – Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn năm 2020:

| Số TT | Tên đường, đoạn đường | Hệ số điều chỉnh giá đất | | | |
|-------|--|--------------------------|-----|-----|-----|
| | | VT1 | VT2 | VT3 | VT4 |
| I | Thành phố Tuy Hòa (4 xã) | | | | |
| A | Vùng đồng bằng (4 xã) | | | | |
| 3 | Xã Bình Kiến (Xã đồng bằng) | | | | |
| 3.21 | Các trục đường thuộc các lô đất kỹ hiệu 1, 2, 3 phía Đông đường Hùng Vương | | | | |
| - | Đường Võ Trứ rộng 16m (đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Huyền) | 1,0 | | | |
| - | Đường 7A rộng 16m (đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Huyền) | 1,0 | | | |

5. Bổ sung Điểm 3.22 vào Khoản 3 Phần A Mục I của Phụ lục 2 – Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn năm 2020:

| Số TT | Tên đường, đoạn đường | Hệ số điều chỉnh giá đất | | | |
|-------|--------------------------|--------------------------|-----|-----|-----|
| | | VT1 | VT2 | VT3 | VT4 |
| I | Thành phố Tuy Hòa (4 xã) | | | | |
| A | Vùng đồng bằng (4 xã) | | | | |

| Số TT | Tên đường, đoạn đường | Hệ số điều chỉnh giá đất | | | |
|----------|--|--------------------------|-----|-----|-----|
| | | VT1 | VT2 | VT3 | VT4 |
| 3 | Xã Bình Kiến (Xã đồng bằng) | | | | |
| 3.22 | Đường nội bộ rộng 6m thuộc Khu đất ký hiệu số 7 thuộc Khu đất ký hiệu số 7 phía Tây đường Hùng Vương | 1,0 | | | |

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Tuy Hòa và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh,
- Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật - Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, To, D.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo